

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH LIÊU – TỈNH QUẢNG NINH**

Căn cứ vào Điều 149, Điều 212, 213 và 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 05/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Anh Lương Khí T; sinh năm 1994.

Nơi cư trú: Thôn K, Xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Ninh.

+ Chị Trần Thị P; sinh năm 1994.

Nơi cư trú: Thôn C, Xã H, huyện B, tỉnh Quảng Ninh.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về pháp luật tố tụng, thẩm quyền giải quyết: Anh Lương Khí T và chị Trần Thị P yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Anh Lương Khí T và chị Trần Thị P cùng có nơi ĐKKHKT tại: Thôn K, Xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Ninh. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 35 và điểm h khoản 2 Điều 39 của bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Liêu.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa Anh Lương Khí T và chị Trần Thị P được xác lập trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn theo luật định. Là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

**Anh Lương Khí T và chị Trần Thị P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 11/12/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Ninh.**

Trong quá trình chung sống, anh T và chị P thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, lối sống, thường xuyên bất đồng quan điểm, từ đó dẫn đến vợ chồng cãi vã. Anh T và chị P đã sống ly thân từ ngày 18/9/2021 đến nay, không ai còn quan tâm đến nhau. Mặc dù anh T và chị P đã tìm cách hòa giải nhưng không thành, cả hai thấy không thể đoàn tụ về sống với nhau được vì tình cảm không còn. Mâu thuẫn đã kéo dài và ngày càng trầm trọng, vợ chồng chung sống không hạnh phúc nên anh T và chị P yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét mâu thuẫn giữa anh T và chị P đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng chung sống không hạnh phúc nên cả hai tự nguyện thuận tình ly hôn. Do vậy công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lương Khí T và chị Trần Thị P là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh Lương Khí T và chị Trần Thị P có một con chung là cháu: Lương Uyên N, sinh ngày 13/9/2019. Anh T, chị P cùng thỏa thuận thống nhất: Chị P trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi đủ 18 tuổi; anh T tự nguyện cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng) kể từ ngày 15/10/2021 cho tới khi con chung đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung: Anh Lương Khí T và chị Trần Thị P không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về công nợ chung: Anh Lương Khí T và chị Trần Thị P không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về lệ phí Tòa án: Anh Lương Khí T và chị Trần Thị P thỏa thuận thống nhất anh T chịu cả 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lương Khí T và chị Trần Thị P.

- Về con chung: Công nhận thỏa thuận giữa anh Lương Khí T và chị Trần Thị P, giao con chung Lương Uyên N, sinh ngày 13/9/2019 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho con đến khi đủ 18 tuổi; anh T tự nguyện cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng) kể từ ngày 15/10/2021 cho tới khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Anh Lương Khí T và chị Trần Thị P không có tài sản chung nên không đề cập giải quyết.

- Về công nợ chung: Anh Lương Khí T và chị Trần Thị P không có công nợ chung nên không đề cập giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Lương Khí T tự nguyện chịu cả lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự mà anh T đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số : 00014003 ngày 05/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh. Anh T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**THẨM PHÁN**

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Liêu;
- Chi cục THADS huyện Bình Liêu;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- UBND xã Đồng Văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Hoàng Ngọc Hải**